

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 27-2-2020  
“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Kim Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/- Bà Phạm Thị Kim Thảo

2/- Bà Mai Hồng Thẩm

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoài Thương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:***  
Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 2 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1993 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, Ấp H, xã P, huyện T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T1, sinh năm: 1995 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai ngày 17/12/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T1 chung sống với nhau vào năm 2011, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới, nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống, anh T1 sinh ra ăn chơi nhậu nhẹt, ham mê cờ bạc.. không chăm lo đến gia đình vợ con thường xuyên kiếm chuyện mắng chửi, nhục mạ chị vô cớ, thậm chí đánh đập chị nhiều lần, hàng xóm ai cũng biết, chị cố gắng khuyên can, chịu đựng nhưng không thay đổi được gì, kéo dài thời gian áp

lực quá lớn nên từ tháng 2/2019 thì vợ chồng ly thân cho đến nay, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 2 con chung Phạm Thị Ngọc T sinh ngày 13/10/2013 và Phạm Văn T sinh ngày 21/06/2016 hiện đang sống với chị, sau khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

***Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/02/2020 anh Phạm Văn T1 trình bày:***

Anh và vợ anh đã ly thân vào tháng 2 năm 2019, nay anh đồng ý ly hôn, về phần con chung anh đồng ý để vợ anh chịu trách nhiệm nuôi con Phạm Thị Ngọc T sinh năm 2013 và Phạm Văn T sinh năm 2016, anh không cấp dưỡng. Do đi làm ăn xa nên không tham dự phiên tòa được nên xin vắng mặt tại các phiên xét xử.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Tại giai đoạn sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T, cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T1; chị Trần Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng 2 con chung, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn T1 là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Văn T1.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Phạm Văn T1 chung sống với nhau vào năm 2011 hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức lễ cưới, đến ngày 23 tháng 08 năm 2018 hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Do vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh T1 chung sống hạnh phúc không lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do bất đồng trong cuộc sống, anh T1 sinh ra ăn chơi nhậu nhẹt, ham mê cờ bạc.. không chăm lo đến gia đình vợ con thường xuyên kiếm chuyện mắng chửi, nhục mạ chị vô cớ, thậm chí đánh đập chị nhiều lần, hàng xóm ai cũng biết, chị cố gắng khuyên can, chịu đựng nhưng không thay đổi được gì, kéo dài thời gian áp lực quá lớn nên từ tháng 02/2019 thì vợ chồng ly thân cho đến nay, tại phiên tòa chị T cương quyết xin được ly hôn. Về phía anh T1 tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/02/2020 anh T1 cũng đồng ý ly hôn với chị T. Xét thấy, suốt thời gian ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn quan hệ tình cảm,

khả năng hàn gắn là không có, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh T1 có 2 con chung Phạm Thị Ngọc T sinh ngày 13/10/2013 và Phạm Văn T sinh ngày 21/06/2016 hiện đang sống với chị, sau khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Xét thấy hiện nay 2 cháu đang sống với chị T cuộc sống đã ổn định, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/02/2020 anh T1 cũng đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi con. Do đó nghĩ nên để chị T được tiếp tục nuôi 2 con chung là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 56,81,82,83,84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147,227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T.

Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn T1. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 90 ngày 23/8/2018 của Ủy ban nhân dân Xã V, Huyện C, Tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung:** Chị Trần Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng 2 con chung Phạm Thị Ngọc T sinh ngày 13/10/2013 và Phạm Văn T sinh ngày 21/06/2016. Anh Phạm Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền tới lui, thăm nom con chung cho anh T1, không ai được cản trở.

- **Về án phí:** Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006659 ngày 07/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Chị Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/2/2020). Anh Phạm Văn T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phan Thị Kim Hoa**